TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Hồng Hà

2. Bà Đinh Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 135/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1992;
Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Chỗ ở hiện tại: ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre;
2. Bị đơn: Anh Bùi Minh H, sinh năm 1987;
Địa chỉ: số B, ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Chị T và anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, các biên bản trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Bùi Minh H kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới anh H thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian, đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cự cãi lẫn nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị nhận thấy hạnh phúc và tình thương giữa vợ chồng không còn, nên chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay chị xác định đã không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu xin được ly hôn với anh Bùi Minh H. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Bùi Gia K, sinh ngày 05/02/2016 hiện nay cháu K đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Minh H trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh H.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tung: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Chị T có yêu cầu ly hôn, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H không đến Tòa án thể hiện anh H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: có 01 con chung là Bùi Gia K, sinh ngày 05/02/2016 hiện nay cháu K đang sống chung với chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T; ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị T khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, Viện kiểm sát phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thu T có đơn khởi kiện anh Bùi Minh H tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để yêu cầu giải quyết về việc xin ly hôn. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn anh Bùi Minh H có nơi cư trú tại ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Anh Bùi Minh H được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để đưa vụ án ra xét xử nhưng anh H vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh H chung sống với nhau vào năm 2015 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/8/2015 là phù hợp với quy định của pháp luật

nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh H lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do hai vợ chồng thường xuyên bất hòa cự cãi lẫn nhau, không cùng quan điểm trong cuộc sống, cho nên năm 2023 chị T đã sống ly thân với anh H cho đến ngày hôm nay. Nay chị T yêu cầu xin được ly hôn với anh H.

Qua quá trình xác minh thể hiện giữa hai vợ chồng chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn là đúng và hiện nay chị T và anh H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Thời gian sống ly thân thì chị T và anh H cũng không còn liên lạc qua lại để hàn gắn tình cảm, chị T nay xác định không còn tình thương với anh H; Toà án đã triệu tập anh H để tham gia các phiên hoà giải nhưng anh H vẫn vắng mặt thể hiện anh H cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Điều đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân của chị T và anh H đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình thương đã không còn, mục đích hôn nhân của chị T và anh H không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: có 01 con chung là Bùi Gia K, sinh ngày 05/02/2016, hiện nay cháu K đang sống với chị T. Xét việc giao con chung cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của con chung. Hiện nay, chị T đang trực tiếp nuôi con chung. Để tạo sự phát triển ổn định cho cháu K, đồng thời xét thấy chị T cũng có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Chị T cũng có yêu cầu được nuôi con chung, cháu K cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ nên việc giao cháu Bùi Gia K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Vì quyền và lợi ích của con, một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T khai không có, nên Tòa án không xét đến.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 25, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu T đối với anh Bùi Minh H.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu T ly hôn với anh Bùi Minh H.

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Gia K, sinh ngày 05/02/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, cha mẹ có thể thoả thuận mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000254 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Hữu Định, CT, BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trần Phương Thảo

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phú Túc, huyện Châu Thành
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn